|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG\***BAN TỔ CHỨC HỘI THI NHÀ NÔNG ĐUA TÀI LẦN THỨ IV NĂM 2017** |  *Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2016* |

 **Dự thảo**

**NỘI DUNG THI VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI**

**A. NỘI DUNG THI GIẢI ĐÁP**

**I. TỔ CHỨC HỘI (8):**

**Câu 1**. **Hội Nông dân Việt Nam có mấy chức năng. Đó là những chức năng nào?**

***Gợi ý trả lời:***

Hội Nông dân Việt Nam có 3 chức năng**:**

1. Tập hợp, vận động, giáo dục hội viên, nông dân phát huy quyền làm chủ, tích cực học tập nâng cao trình độ, năng lực về mọi mặt.

2. Đại diện giai cấp nông dân tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

3. Chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nông dân; tổ chức các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ nông dân trong sản xuất, kinh doanh và đời sống.

**Câu 2. Hãy cho biết nhiệm vụ của Hội Nông dân Việt Nam trong tuyên truyền, vận động, tập hợp hội viên, nông dân và xây dựng tổ chức Hội ?**

***Gợi ý trả lời:***

1. Tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, nông dân hiểu và tích cực thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghị quyết, chỉ thị của Hội.

2. Khơi dậy và phát huy truyền thống yêu nước, ý chí cách mạng, tinh thần tự lực, tự cường, lao động sáng tạo của nông dân.

3. Đoàn kết, tập hợp đông đảo nông dân vào tổ chức Hội, phát triển và nâng cao chất lượng hội viên.

4. Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh về mọi mặt; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thời kỳ CNH, HĐH.

**Câu 3. Hãy cho biết nhiệm vụ của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển kinh tế, xã hội và nông nghiệp, nông thôn?**

***Gợi ý trả lời:***

1. Vận động, tập hợp, làm nòng cốt tổ chức các phong trào nông dân phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh; xây dựng nông thôn mới.

2. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của hội viên, nông dân.

3. Trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội nông thôn.

4. Hướng dẫn phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn.

5. Tổ chức các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ, dạy nghề, khoa học công nghệ giúp nông dân phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, bảo vệ môi trường.

**Câu 4. Hãy cho biết nhiệm vụ của Hội Nông dân Việt Nam trong tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và khối đại đoàn kết toàn dân tộc?**

***Gợi ý trả lời:***

1. Tham gia:

+ Xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh;

+ Giám sát và phản biện xã hội theo quy chế;

 + Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

2. Phản ánh kịp thời tâm tư nguyện vọng của hội viên, nông dân với Đảng và Nhà nước.

3. Bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, nông dân.

4. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, giữ gìn đoàn kết trong nội bộ nông dân.

5. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

6. Chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội.

**Câu 5**. **Hãy cho biết nhiệm vụ của Hội Nông dân Việt Nam trong hoạt động đối ngoại?**

***Gợi ý trả lời:***

1. Mở rộng hoạt động đối ngoại theo quan điểm, đường lối của Đảng.

2. Tăng cường hợp tác, trao đổi, học tập kinh nghiệm, tiến bộ khoa học kỹ thuật. với tổ chức nông dân, tổ chức quốc tế, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ trong khu vực và trên thế giới.

3. Quảng bá hàng hoá nông sản, văn hoá Việt Nam với tổ chức nông dân, tổ chức quốc tế, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ trong khu vực và trên thế giới.

**Câu 6. Hãy cho biết vị trí, tính chất, mục đích hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam?**

***Gợi ý trả lời:***

1. Vị trí, tính chất:

- Hội Nông dân Việt Nam là đoàn thể chính trị - xã hội của giai cấp nông dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;

- Là cơ sở chính trị của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Mục đích của Hội: Tập hợp đoàn kết nông dân, xây dựng giai cấp nông dân vững mạnh về mọi mặt, xứng đáng là lực lượng tin cậy trong khối liên minh vững chắc công, nông, trí, bảo đảm thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

**Câu 7. Đối tượng và điều kiện để trở thành hội viên là gì?**

***Gợi ý trả lời:***

- Nông dân Việt Nam không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tôn giáo và lao động khác trong các lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên lãnh thổ Việt Nam.

- Từ 18 tuổi trở lên.

- Tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện tham gia tổ chức Hội.

- Được ban chấp hành cơ sở Hội đồng ý.

- Uỷ viên ban chấp hành từ cơ sở trở lên.

**Câu 8. Hội viên Hội Nông dân Vịêt Nam có những nhiệm vụ, quyền lợi gì?**

***Gợi ý trả lời:***

1. Chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Hội, sinh hoạt và đóng hội phí đầy đủ theo quy định của Ban Thường vụ Trung ương Hội.

2. Gương mẫu và tuyên truyền, vận động nông dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội; đoàn kết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư; gia đình văn hoá; thực hiện nghĩa vụ công dân, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh; tuyên truyền, vận động phát triển hội viên; tham gia các hoạt động và phong trào nông dân ở địa phương, xây dựng quỹ hoạt động Hội.

Hội viên có 3 quyền lợi:

4. - Được dân chủ thảo luận và biểu quyết những công việc của Hội.

 - Được phê bình chất vấn tổ chức và cán bộ Hội.

 - Được đề đạt với tổ chức Hội và thông qua tổ chức Hội đề xuất với Đảng, Nhà nước về nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của mình.

5. Được Hội hướng dẫn, giúp đỡ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng.

6. Được ứng cử, đề cử, bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội.

**II. QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN VÀ VAY VỐN NGÂN HÀNG (9)**

**Câu 1: Quỹ Hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân Việt Nam được thành lập khi nào? Nguyên tắc, mục đích hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân?**

***Gợi ý trả lời:***

**1.** Quỹ Hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân Việt Nam được Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam quyết định thành lập vào ngày 02/3/1996 (Quyết định số 80 QĐ/HND, ngày 02/3/1996) trên cơ sở được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 4035/KTTH ngày 26/7/1995.

**2.** Nguyên tắc hoạt động:

- Hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân không vì mục đích lợi nhuận nhưng phải bảo toàn, phát triển vốn và bù đắp chi phí quản lý.

- Tự chịu trách nhiệm về hoạt động của Quỹ trước pháp luật; tuân thủ các quy định về nghiệp vụ tài chính, tín dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**3.** Mục đích hoạt động:

- Hỗ trợ, giúp đỡ hội viên nông dân xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế nhằm xóa đói giảm nghèo; nâng cao quy mô sản xuất và sản xuất hàng hóa, phát triển ngành nghề; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn; tạo việc làm, thúc đẩy việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp, khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng vùng để tạo ra các loại nông sản hàng hóa, dịch vụ đạt chất lượng, hiệu quả cao.

- Tạo điều kiện để Hội Nông dân Việt Nam đẩy mạnh hoạt động, tuyên truyền, tập hợp nông dân, thực hiện thắng lợi các chương trình phát triển kinh tế của Đảng, Nhà nước đối với phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân và xây dựng Hội vững mạnh.

**Câu 2: Vốn hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân được hình thành từ những nguồn nào?**

***Gợi ý trả lời:*** Nguồn vốn hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân được hình thành từ các nguồn sau đây:

- Vốn được cấp từ ngân sách Nhà nước (bao gồm ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương.

- Vốn vận động cán bộ, hội viên nông dân, cán bộ công nhân viên chức, cán bộ, sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong lực lượng vũ trang, các hộ phi nông nghiệp, các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ, cho mượn không lãi hoặc lãi suất thấp.

- Vốn tiếp nhận từ các nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế, các tổ chức và người nước ngoài giúp đỡ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn Việt Nam.

- Vốn ủy thác của Nhà nước, của các tổ chức trong và ngoài nước tài trợ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Vốn tự bổ sung hàng năm.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Quỹ hỗ trợ nông dân không được huy động vốn và vay vốn dưới hình thức tiền gửi tiết kiệm, phát hành giấy tờ có giá hoặc vay vốn của các tổ chức, cá nhân như hoạt động của các tổ chức tín dụng.

**Câu 3: Hệ thống Quỹ Hỗ trợ nông dân được tổ chức ở mấy cấp Hội, là những cấp nào? Quỹ Hỗ trợ nông dân có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản không?**

***Gợi ý trả lời:***

- Quỹ hỗ trợ nông dân tổ chức theo 3 cấp Hội:

+ Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương, Trực thuộc Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

+ Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp tỉnh, Trực thuộc Hội Nông dân cấp tỉnh.

+ Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện, Trực thuộc Hội Nông dân cấp huyện.

- Quỹ Hỗ trợ nông dân có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản được mở tại kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật

**Câu 4: Chế độ quản lý tài chính hiện hành đối với các Quỹ Hỗ trợ nông dân thuộc hệ thống Hội Nông dân Việt Nam theo quy định nào?**

***Gợi ý trả lời:***

- Quỹ hỗ trợ nông dân được quản lý theo Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các Quỹ hỗ trợ nông dân thuộc hệ thống Hội Nông dân Việt Nam

- Hướng dẫn 1079 – HD/HNDTW ngày 18/11/2013 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về một số vấn đề cụ thể thực hiện Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013 về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các Quỹ hỗ trợ nông dân thuộc hệ thống Hội Nông dân Việt Nam.

**Câu 5: Các đối tượng được vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân? Quyền và nghĩa vụ của người vay vốn?**

***Gợi ý trả lời:***

 **1.** Các đối tượng được vay vốn Quỹ HTND:

- Hộ gia đình hội viên nông dân tự nguyện tham gia dự án nhóm hộ vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Hội Nông dân các cấp;

- Tổ hợp tác của hội viên nông dân, Hợp tác xã nông nghiệp có ký Hợp đồng hoặc Thỏa thuận hợp tác với Hội Nông dân về việc hỗ trợ nông dân, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo trong vùng tổ chức sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập;

- Các đối tượng khác khi có quyết định của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

Các đối tượng trên đây gọi chung là Người vay**.**

**2.** Quyền và nghĩa vụ của Người vay:

**2.1.** Quyền của người vay vốn:

- Trả nợ cho bên cho vay khi dự án hết thời hạn; được trả nợ trước hạn một lần và có thể trả nợ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

- Từ chối mọi yêu cầu của bên cho vay trái với thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn

- Ngoài mức phí cho vay ghi tại Hợp đồng vay vốn, Người vay không phải trả cho bên cho vay bất cứ khoản phí nào trong khi nhận tiền vay và trả nợ.

- Được bên cho vay tập huấn kỹ thuật, trao đổi kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh

**2.2.** Nghĩa vụ của người vay:

- Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn

- Sử dụng tiền vay đúng mục đích được duyệt, hoàn trả đầy đủ nợ vay (cả gốc và phí) theo đúng thời hạn ghi trong Hợp đồng vay vốn

- Không được sử dụng tài sản hình thành từ tiền vay để đảm bảo cho một nghĩa vụ dân sự khác, hoặc chuyển nhượng tài sản này khi chưa trả hết nợ vay.

- Chịu sự kiểm tra, giám sát của bên cho vay trong việc vay vốn, sử dụng vốn vay trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng vay vốn.

**Câu 6: Nhiệm vụ của Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp xã trong hoạt động Quỹ hỗ trợ nông dân?**

***Gợi ý trả lời:***

- Xây dựng kế hoạch vận động cán bộ, hội viên, nông dân, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn đóng góp nguồn vốn cho Quỹ Hỗ trợ nông dân đạt và vượt chỉ tiêu do Ban Thường vụ Hội cấp trên trực tiếp giao.

- Lập các dự án vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân, tổ chức triển khai khi dự án được phê duyệt để giúp nông dân xây dựng thành công các mô hình phát triển sản xuất, kinh doanh hiệu quả; thực hiện và đôn đốc người vay trả nợ (gốc và phí) đầy đủ, đúng hạn.

- Tổ chức ký kết và thực hiện Hợp đồng trách nhiệm, Hợp đồng ủy thác với Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân, các Ngân hàng và các tổ chức kinh tế khác trên địa bàn về việc hỗ trợ nông dân tiếp cận tín dụng, tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ sản xuất tiên tiến, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

- Báo cáo đầy đủ, trung thực kết quả thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá các chương trình phối hợp, các hợp đồng đã ký kết với các tổ chức, cá nhân và sự chỉ đạo của Hội Nông dân cấp trên.

**Câu 7: Khách hàng vay và lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 của Chính phủ gồm các đối tượng và lĩnh vực nào?**

***Gợi ý trả lời:***

**1. Tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là khách hàng) được vay vốn theo quy định tại Nghị định này, bao gồm:**

a) Cá nhân, hộ gia đình cư trú trên địa bàn nông thôn hoặc có hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

b) Hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn nông thôn;

c) Chủ trang trại;

d) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn nông thôn hoặc tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

đ) Doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn nông thôn, ngoại trừ các đối tượng sau: Doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, doanh nghiệp khai khoáng, các cơ sở sản xuất thủy điện, nhiệt điện và các doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại điểm e, khoản 2, điều, nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất;

e) Doanh nghiệp cung cấp vật tư nông nghiệp đầu vào cho sản xuất nông nghiệp và các doanh nghiệp sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm, phụ phẩm nông nghiệp.

**2. Các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn bao gồm:**

1) Cho vay các chi phí phát sinh phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ.

2) Cho vay phục vụ sản xuất công nghiệp, thương mại và cung ứng các dịch vụ trên địa bàn nông thôn.

3) Cho vay để sản xuất giống trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, trồng rừng và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ phục vụ quá trình sản xuất nông nghiệp.

4) Cho vay phát triển ngành nghề tại địa bàn nông thôn.

5) Cho vay phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

6) Cho vay các nhu cầu phục vụ đời sống của cư dân trên địa bàn nông thôn.

7) Cho vay theo các chương trình kinh tế liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ.

**Câu 8: Cơ chế đảm bảo tiền vay không có bảo đảm bằng tài sản theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ là gì?**

***Gợi ý trả lời:***

- Các đối tượng khách hàng được vay không có tài sản bảo đảm quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CPphải nộp cho tổ chức tín dụng cho vay ***giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*** (đối với các đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) ***hoặc giấy xác nhận*** chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận. Khách hàng chỉ được sử dụng giấy xác nhận chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp để vay vốn tại một tổ chức tín dụng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng giấy xác nhận trên để vay không có tài sản bảo đảm theo quy định tại Nghị định này.

- Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP **không phải nộp các lệ phí sau**:

+ Lệ phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản tại cơ quan thực hiện chứng thực hợp đồng;

+ Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm.

**Câu 9: Khi vay vốn tại NHNo&PTNT, trường hợp nào Hộ gia đình, cá nhân được cơ cấu lại nợ và cho vay mới, khoanh nợ?**

***Gợi ý trả lời:* T*rường hợp Hộ gia đình, cá nhân được***

***1.*** *Cơ cấu lại thời hạn trả nợ:*

- Khách hàng chưa trả được nợ đúng hạn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, NHNo&PTNT nơi cho vay xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng.

- Chỉ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ 01 (một lần) đối với một khoản nợ.

***2.*** *Cho vay mới:*

- Khách hàng chưa trả được nợ đúng hạn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, NHNo&PTNT nơi cho vay căn cứ vào tính khả thi của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng để xem xét cho vay mới nhằm giúp khách hàng khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất, thực hiện trả được nợ cũ và nợ mới.

**Trường hợp Hộ gia đình, cá nhân được**

***3.*** *Khoanh nợ*

- Khách hàng vay vốn thuộc đối tượng chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 của Chính phủ trong quá trình sản xuất kinh doanh bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, gặp thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên phạm vi rộng được Chính phủ xem xét quyết định ***khoanh nợ*** ***không tính lãi, xóa nợ, xóa lãi.***

**III. AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM (2)**

**Câu 1: Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở trồng trọt nhỏ lẻ?**

***Gợi ý trả lời:***

1. Địa điểm sản xuất không nằm trong vùng bị cảnh báo ô nhiễm, không bảo đảm sản xuất thực phẩm an toàn.

2. Nguồn nước tưới không ảnh hưởng đến an toàn sản phẩm. Không sử dụng nước bị ô nhiễm, nước thải để rửa, sơ chế sản phẩm.

3. Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng: đúng thuốc, đúng liều lượng và nồng độ, đúng lúc, đúng cách; tuân thủ thời gian ngừng sử dụng thuốc theo hướng dẫn của nhà sản xuất thuốc; đọc kỹ nhãn thuốc trước khi sử dụng.

4. Sử dụng phân bón có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đúng liều lượng, đúng cách theo hướng dẫn sử dụng ghi trên bao bì, tài liệu hướng dẫn sử dụng hoặc hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật trồng trọt, cán bộ khuyến nông; Sử dụng phân hữu cơ đã được ủ hoai mục.

5. Có trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng, phương tiện phù hợp để sản xuất, thu hoạch, bảo quản và vận chuyển, bảo đảm không gây độc hại, không gây ô nhiễm cho thực phẩm.

6. Người sản xuất được phổ biến, hướng dẫn về thực hành sản xuất thực phẩm an toàn.

7. Vỏ bao gói thuốc bảo vệ thực vật, phân bón phải được thu gom trong các vật chứa kín, đúng nơi quy định để chờ xử lý hoặc tiêu hủy tránh gây ô nhiễm cho sản phẩm và khu vực sản xuất.

8. Duy trì các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và cung cấp được thông tin liên quan đến việc mua bán sản phẩm.

**Câu 2: Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ?**

***Gợi ý trả lời:***

1. Chuồng nuôi phải tách biệt với nhà ở, dễ vệ sinh, khử trùng tiêu độc; phải có nơi để chứa, ủ chất thải rắn, có hố để xử lý chất thải lỏng, đảm bảo vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường.

2. Giống vật nuôi có nguồn gốc rõ ràng, khỏe mạnh, được tiêm phòng các bệnh theo hướng dẫn của cán bộ chăn nuôi, thú y.

3. Thức ăn và nước uống dùng trong chăn nuôi phải bảo đảm không gây độc hại cho vật nuôi và người sử dụng sản phẩm động vật.

4. Thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học dùng trong chăn nuôi phải theo hướng dẫn sử dụng ghi trên bao bì, tài liệu hướng dẫn sử dụng hoặc hướng dẫn của cán bộ chăn nuôi thú y, cán bộ khuyến nông.

5. Người chăn nuôi được phổ biến, hướng dẫn về thực hành sản xuất thực phẩm an toàn.

6. Duy trì các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và cung cấp được thông tin liên quan đến việc mua bán sản phẩm.

**IV. MÔI TRƯỜNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (5)**

Câu 1: Nêu những nguyên tắc bảo vệ môi trường?

*Gợi ý trả lời:*

**Điều 4.** Luật bảo vệ môi trường năm 2014 qui định: Nguyên tắc bảo vệ môi trường

1. Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.

2. Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế, an sinh xã hội, bảo đảm quyền trẻ em, thúc đẩy giới và phát triển, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu để bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.

3. Bảo vệ môi trường phải dựa trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên, giảm thiểu chất thải.

4. Bảo vệ môi trường quốc gia gắn liền với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu; bảo vệ môi trường bảo đảm không phương hại chủ quyền, an ninh quốc gia.

5. Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

6. Hoạt động bảo vệ môi trường phải được tiến hành thường xuyên và ưu tiên phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường.

7. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng thành phần môi trường, được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho bảo vệ môi trường.

8. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải khắc phục, bồi thường thiệt hại và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Câu 2: Hãy nêu trách nhiệm và quyền của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong bảo vệ môi trường?

*Gợi ý trả lời:*

Điều 145, Luật bảo vệ môi trường năm 2014 qui định: Trách nhiệm và quyền của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

*1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có trách nhiệm sau:*

a) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.

*2. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có quyền sau:*

a) Được cung cấp và yêu cầu cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Tham vấn đối với dự án có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình;

c) Tư vấn, phản biện về bảo vệ môi trường với cơ quan quản lý nhà nước và chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan theo quy định của pháp luật;

d) Tham gia hoạt động kiểm tra về bảo vệ môi trường tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình;

đ) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Cơ quan quản lý môi trường các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện cho tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thực hiện các quyền quy định tại khoản 2 Điều này.

Câu 3: Hãy cho biết những qui định về bảo vệ môi trường trong hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản?

*Gợi ý trả lời:*

Điều 38, Luật bảo vệ môi trường năm 2014 qui định: Bảo vệ môi trường trong hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải có biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ, cải tạo và phục hồi môi trường như sau:

a) Thu gom và xử lý nước thải theo quy định của pháp luật;

b) Thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải rắn;

c) Có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại và tác động xấu khác đến môi trường xung quanh;

d) Phải có kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường cho toàn bộ quá trình thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường trong quá trình thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản;

đ) Ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Khoáng sản có tính chất độc hại phải được lưu giữ, vận chuyển bằng thiết bị chuyên dụng, được che chắn tránh phát tán ra môi trường.

3. Việc sử dụng máy móc, thiết bị có tác động xấu đến môi trường, hóa chất độc hại trong thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

4. Việc thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến dầu khí, khoáng sản khác có chứa nguyên tố phóng xạ, chất độc hại, chất nổ phải thực hiện quy định của Luật này và pháp luật về an toàn hóa chất, an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan chỉ đạo việc thống kê nguồn thải, đánh giá mức độ gây ô nhiễm môi trường của cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản; tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở này.

Câu 4: Hãy cho biết các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình?

*Gợi ý trả lời :*

Điều 82, Luật bảo vệ môi trường: Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình

1. Giảm thiểu, phân loại tại nguồn, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đến đúng nơi quy định.

2. Giảm thiểu, xử lý và xả nước thải sinh hoạt đúng nơi quy định.

3. Không được phát tán khí thải, gây tiếng ồn, độ rung và tác động khác vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư xung quanh.

4. Nộp đủ và đúng thời hạn phí bảo vệ môi trường; chi trả cho dịch vụ thu gom, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật;

5. Tham gia hoạt động bảo vệ môi trường công cộng và tại khu dân cư.

6. Có công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm bảo đảm vệ sinh, an toàn.

**Câu 5: Ứng phó với biến đổi khí hậu là gỉ?** **Nêu những nhiệm vụ và giải pháp cơ bản của Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (KhóaVI) về nâng cao trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam tham gia bảo vệ môi trường nông thôn và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2014 – 2020?**

*Gợi ý trả lời:*

 *Ứng phó với biến đổi khí hậu* là các hoạt động của con người nhằm thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu.

*Nhiệm vụ và giải pháp cơ bản của Nghị quyết:*

-Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường nông thôn, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Nâng cao vai trò và trách nhiệm của các cấp Hội tham gia bảo vệ môi trường nông thôn, xây dựng kế hoạch hàng năm, giai đoạn phù hợp chức năng, nhiệm vụ bảo vệ môi trường

- Tăng cường kiến thức, nâng cao năng lực, ý thức chủ động phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình điển hình của Hội Nông dân tham gia bảo vệ môi trường nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Tăng cường giám sát, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho cán bộ, hội viên, nông dân về tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

**- Huy động các nguồn lực hỗ trợ nông dân bảo vệ môi trường nông thôn và thích ứng với biến đổi khí hậu.**

V. **HỢP TÁC QUỐC TẾ (3)**

***Câu 1. Anh chị cho biết những cơ hội đối với nông nghiệp Việt Nam khi Việt Nam tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).***

***Gợi ý trả lời:***

1. Mở rộng thị trường xuất khẩu, tiếp cận với các thị trường lớn nhất trên thế giới với ưu thế đáng kể.

2. Tham gia vào những chuỗi cung ứng toàn cầu.

3. Tạo động lực và sức ép cho doanh nghiệp trong nước đầu tư sản xuất theo hướng giảm thuế xuất khẩu nguyên liệu và sơ chế, đầu tư phát triển trên chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng, tăng sản phẩm chế biến có giá trị cao.

4. Tăng cường cơ hội tiếp cận vốn và khoa học công nghệ thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài - FDI.

5. Tăng cơ hội việc làm, cải thiện thu nhập cho người lao động.

6. Nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.

7. Tạo động lực phát triển ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế xã hội.

8. Tạo động lực đẩy nhanh quá trình hoàn thiện thể chế, môi trường chính sách, thúc đẩy tính minh bạch của môi trường chính sách.

***Câu 2. Anh chị cho biết những thách thức đối với nông nghiệp Việt Nam khi Việt Nam tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).***

***Gợi ý trả lời:***

1. Hạn chế về năng lực cạnh tranh.

2. Khó khăn trong việc đáp ứng các yêu cầu về quy tắc xuất xứ do sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu.

3. Thiếu thông tin nghiên cứu, phân tích và dự báo thị trường thế giới, thị trường nhập khẩu và thị trường trong nước.

4. Thiếu vốn và công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ kỹ thuật thông minh nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và kiểm soát dịch bệnh.

5. Hạn chế trình độ lao động và nguồn lực.

6. Hạn chế việc vận dụng công cụ hữu ích trong thương mại quốc tế nhằm tái lập công bằng thương mại và giải quyết tranh chấp.

7. Môi trường chính sách sách chưa hoàn thiện, đầy đủ, chưa được thực hiện đồng bộ hóa và thiếu biện pháp chế tài, tồn tại hạn chế trong thực thi quy định.

***Câu 3. Anh chị cho biết một số giải pháp đối với nông nghiệp Việt Nam khi Việt Nam tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).***

***Gợi ý trả lời:***

1. Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và hàng hóa nông lâm thủy sản Việt Nam.

2. Tăng cường nhân lực, nâng cao năng xuất lao động, phát triển lực lượng lao động tiên tiến phục vụ cho ngành.

3. Đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

4. Khẩn trương hoàn thiện môi trường chính sách, nâng cao năng lực thực thi pháp luật.

5. Nâng cao năng lực phân tích dự báo thị trường.

6. Nâng cao khả năng vận dụng cam kết và các biện pháp áp dụng trong các FTAs.

7. Tăng cường năng lực cho hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế.

**VI. CÔNG TÁC DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN: 3 câu**

**Câu 1: *Thí sinh hãy trình bày chính sách đối với người học nghề của Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”?***

Gợi ý trả lời:

- Lao động nông thôn thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác được hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng) với mức tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học (mức hỗ trợ cụ thể theo từng nghề và thời gian học nghề thực tế); hỗ trợ tiền ăn với mức 15.000 đồng/ngày thực học/người; hỗ trợ tiền đi lại theo giá vé giao thông công cộng với mức tối đa không quá 200.000 đồng/người/khoá học đối với người học nghề xa nơi cư trú từ 15 km trở lên;

- Lao động nông thôn thuộc diện hộ có thu nhập tối đa bằng 150% thu nhập của hộ nghèo được hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng) với mức tối đa 2,5 triệu đồng/người/khóa học (mức hỗ trợ cụ thể theo từng nghề và thời gian học nghề thực tế);

- Lao động nông thôn khác được hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng) với mức tối đa 02 triệu đồng/người/khóa học (mức hỗ trợ cụ thể theo từng nghề và thời gian học nghề thực tế);

- Lao động nông thôn học nghề được vay để học theo quy định hiện hành về tín dụng đối với học sinh, sinh viên. Lao động nông thôn làm việc ổn định ở nông thôn sau khi học nghề được ngân sách hỗ trợ 100% lãi suất đối với khoản vay để học nghề;

- Lao động nông thôn là người dân tộc thiểu số thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo và hộ có thu nhập tối đa bằng 150% thu nhập của hộ nghèo học các khóa học trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được hưởng [chính sách dạy nghề đối với học sinh dân tộc thiểu số nội trú](http://www.chinhphu.vn/portal/event?_pageid=33,638897&_dad=portal&_schema=PORTAL&_portlet_ref=33_638898_33_638897_638897&_event_docid=14957&_eventName_view_detail=);

- Lao động nông thôn sau khi học nghề được vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm để tự tạo việc làm.

**Câu 2: *Thí sinh hãy trình bày quan điểm trong Quyết định số 1956/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”?***

Gợi ý trả lời:

Quan điểm đào tạo nghề cho lao động nông thôn gồm:

a) Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, của các cấp, các ngành và xã hội nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nhà nước tăng cường đầu tư để phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn, có chính sách bảo đảm thực hiện công bằng xã hội về cơ hội học nghề đối với mọi lao động nông thôn, khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

b) Học nghề là quyền lợi và nghĩa vụ của lao động nông thôn nhằm tạo việc làm, chuyển nghề, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống;

c) Chuyển mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ đào tạo theo năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng địa phương;

d) Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề của mình;

đ) Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, tạo sự chuyển biến sâu sắc về mặt chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng; nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức xã đủ tiêu chuẩn, chức danh cán bộ, công chức, đủ trình độ, bản lĩnh lãnh đạo, quản lý và thành thạo chuyên môn, nghiệp vụ trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội ở xã phục vụ cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

**Câu 3: *Thí sinh hãy cho biết đối tượng của Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ? Nêu vai trò của Hội Nông dân các cấp trong thực hiện đề án 1956?***

Gợi ý trả lời:

\* Đối tượng:

1. Lao động nông thôn trong độ tuổi lao động, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học. Trong đó ưu tiên dạy nghề cho các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ có thu nhập tối đa bằng 150% thu nhập của hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác.

2. Cán bộ chuyên trách đảng, đoàn thể chính trị - xã hội, chính quyền và công chức chuyên môn xã; cán bộ nguồn bổ sung thay thế cho cán bộ, công chức xã đến tuổi nghỉ công tác hoặc thiếu hụt do cơ học có độ tuổi phù hợp với quy hoạch cán bộ đến năm 2015 và đến năm 2020.

\* Vai trò của Hội Nông dân Việt Nam:

Hội Nông dân Việt Nam chủ trì tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nông dân tham gia học nghề; tư vấn miễn phí về dạy nghề, việc làm, thành lập doanh nghiệp, trang trại và cơ sở sản xuất, kinh doanh; tham gia dạy nghề và giám sát tình hình thực hiện Đề án ở địa phương.

**VII. KHOA HỌC KỸ THUẬT (3)**

**Câu 1 : Anh chị hãy nêu các yếu tố gây ô nhiễm rau trồng và nguyên nhân gây ra các yếu tố ô nhiễm đó?**

## Gợi ý trả lời:

- Có 4 yếu tố gây ô nhiễm rau trồng:

 + Dự lượng thuốc hóa học

 + Hàm lượng kim loại nặng

 + Sinh vật, vật ký sinh

 + Hàm lượng nitrat cao

**1.** Nguyên nhân gây ra dư lượng thuốc hóa học cao:

 + Phun quá nhiều thuốc hóa học

 + Sử dụng thuốc hóa học cấm sử dụng

 + Vứt vỏ bao bì không đúng quy định

 + Dò rỉ hóa chất vào đất

**2.** Nguyên nhân gây ra hàm lượng kim loại nặng cao:

 + Sử dụng liên tục phân bón hóa học

 + Sử dụng nước thải ở nhà máy hóa chất, bệnh viện...

**3.** Nguyên nhân gây ra các sinh vật gây bênh, vật ký sinh:

 + Sử dụng phân tươi chưa qua xử lý

 + Phân động vật từ vật nuôi

 + Sử dụng nước thải để tưới rau

**4.** Nguyên nhân làm cho hàm lượng nitrat có ở trong rau cao:

 + Do bón quá nhiều đạm

 + Bón gần đến ngày thu hoạch

**Câu 2: *Anh chị hãy cho biết các biện pháp tiến hành phòng và trừ sâu cuốn lá nhỏ hại lúa?***

 ***Gợi ý trả lời:***

1. *Tiến hành phòng sâu cuốn lá nhỏ hại lúa*
* Gieo trồng với mật độ hợp lý. Bón phân cân đối hợp lý, đặc biệt không bón quá nhiều phân đạm vì nếu thừa đạm, cây lúa xanh tốt quá sẽ thu hút bướm cái bay tới và đẻ trứng. Mặt khác, cây lúa mềm, sâu cũng dễ gây hại hơn.
* Làm sạch cỏ trong và xung quanh ruộng trồng lúa để sâu cuốn lá không có nơi trú ngụ.
1. *Tiến hành trừ sâu cuốn lá nhỏ hại lúa*
* Dùng bẫy đèn để thu hút trưởng thành nếu mật độ trưởng thành cao.
* Dùng thuốc hóa học để phun trừ sâu cuốn lá nhỏ. Tuy nhiên cần lưu ý có rất nhiều thiên địch của sâu cuốn lá nhỏ trên đồng ruộng, do vậy không nên phun thuốc trong giai đoạn 40 ngày đầu sau khi sạ, vì phun thuốc sớm sẽ làm giảm mật số của thiên địch, đặc biệt là bộ cánh cứng ăn sâu non và nhện ăn bướm, ong ký sinh sâu non và nhộng sâu cuốn lá. Chỉ phun thuốc khi mật độ sâu ≥ 20con/m2.
* Nhiều loại thuốc hoá học có thể trừ được sâu cuốn lá như VIRTAKO 40 WG; PADAN 95SP; DIAZAN 50ND; REGENT 800WG….

Khi sử dụng thuốc trừ sâu phải tuân theo nguyên tắc 4 đúng.

**Câu 3: *Anh chị cho biết nguyên tắc thực hiện an toàn sinh học trong chăn nuôi?***

***Gợi ý trả lời:***

 *Thực hiện 3 nguyên tắc: Cách ly, làm sạch và khử trùng*

a) Cách ly để ngăn chặn các tác nhân gây bệnh bên ngoài xâm nhập vào cơ sở chăn nuôi và từ cơ sở ra ngoài môi trường.

b) Làm sạch để loại bỏ những chất bẩn bên ngoài như bụi, đất, các chất hữu cơ chứa tác nhân gây bệnh. Việc vệ sinh làm sạch đúng cách sẽ loại bỏ được khoảng 80% các tác nhân gây bệnh.

c) Khử trùng để tiêu diệt các tác nhân gây bệnh còn lại sau khi đã tiến hành vệ sinh. Việc khử trùng chỉ đạt được hiệu quả sau khi đã làm vệ sinh tốt và đảm bảo sự phù hợp của chất khử trùng, tỷ lệ pha, sử dụng đúng cách.